TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2017
Về việc tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Võ Quốc Quân.

2. Dương Thanh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Nguyễn Ân Tình là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị L, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh S, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20 tháng 4 năm 2017 và biên bản hòa giải ngày 20 tháng 7 năm 2017 chị Trương Thị L trình bày:

Chị Trương Thị L và anh Lê Thanh S kết hôn với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/4/2017. Chị L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh S rượu chè về cự cải, ghen tuôn vô cớ, xúc phạm, đánh đập vợ con rất nhiều lần. Gia đình và bản thân chị L khuyên ngăn nhưng anh S không sửa đổi. Chị L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị L và anh S có 03 người con chung tên: Lê H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2002; Lê T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2003 và Lê L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006. Sau khi ly hôn các con có nguyện vọng theo chị L thì chị L nuôi dưỡng không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị L và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 20 tháng 7 năm 2017 anh Lê Thanh S trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng không mâu thuẫn nhưng do chị L thường đi chơi vắng nhà, không cho anh S hay từ đó mới xảy ra cự cải. Nay anh S còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 03 người con tên, tuổi như chị L trình bày là đúng. Hiện 03 người con đang sống với anh S. Khi ly hôn các con có nguyện vọng theo anh S thì anh S nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Anh S và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn thể hiện nguyện vọng ngày 23 tháng 4 năm 2017 của cháu Lê H, sinh năm 2002; Lê T, sinh năm 2003 và Lê L, sinh năm 2006. Các cháu đều thể hiện nguyện vọng theo chị L.

Tại phiên tòa hôm nay: Về hôn nhân chị L vẫn yêu cầu ly hôn. Về con nếu các con có nguyện vọng theo chị L thì chị L đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ thu, nợ trả chị L và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh S về hôn nhân không đồng ý ly hôn. Về con nếu ly hôn các con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, nợ thu, nợ trả tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Lê Thanh S kết hôn năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau vào năm 2007. Do đó hôn nhân giữa chị L và anh S là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mặt dù anh S cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn chỉ cự cải là do chị L đi chơi vắng nhà thường xuyên không cho anh hay nhưng theo lời trình bày của chị L là anh S ghen tuôn vô cớ, đánh đập chị nhiều lần, gia đình đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn cương quyết xin ly hôn vì chị L cho rằng nếu chung sống với anh S thì tính mạng chị bị đe dọa, vì đã có lần anh S đỗ xăng đốt chị L. Đối với anh S thừa nhận là có đỗ

xăng hù dọa chị L vì chị L nhiều lần đi chơi không cho anh biết. Anh S cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác chị L còn cung cấp giấy cam kết trước đây của anh S là không uống rượu đánh đập vợ con nhưng anh S vẫn không thực hiện. Vì vậy nếu kéo dài tình cảm giữa chị L với anh S thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh S.

[2] Về con chung: Chị L và anh S có 03 người con chung tên: Lê H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2002; Lê T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2003 và Lê L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006. Xét thấy, cháu H và cháu T và cháu L hiện nay đã hơn 07 tuổi và 03 cháu đều có nguyện vọng theo chị L và chị L đồng ý nuôi dưỡng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu H, cháu T và cháu L cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về phần tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị L và anh S tự thõa không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải nộp là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của chị L được đối trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị L được ly hôn với anh Lê Thanh S.

- Về con chung: Giao 03 người con tên: Lê H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2002; Lê T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2003 và Lê L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006 cho Trương Thị L nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con chị Trương Thị L không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Lê Thanh S có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con để cản trở việc nuôi con của chị Trương Thị L.

- Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị Trương Thị L và anh Lê Thanh S tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Chị Trương Thị L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của chị Trương Thị L là: 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013573 ngày 20 tháng 4 năm 2017 được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *VKS nhân dân huyện Ngọc Hiển;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Ngọc Hiển;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Lê Minh Khánh